

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 04 tháng 01 năm 2012

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 29
	Ngày: 05 / 01 / 2012
	Chuyển: VP

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình cải cách hành chính
nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp năm 2003;
Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình:

Thực hiện theo mục tiêu Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ. Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 2011-2020 ở tỉnh là: Cải cách thể chế; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó chú trọng thực hiện cải cách chế độ, chính sách nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công; ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính.

Điều 3. Nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP:

1. Cải cách thể chế:

a) Xây dựng, hoàn thiện thể chế hành chính ở tỉnh trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung và hệ thống văn bản quy định có liên quan, gắn với chính sách khai thông, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của tỉnh;

b) Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở tỉnh nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi;

c) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách với trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự công bằng trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương;

d) Tham gia xây dựng, hoàn thiện và thực hiện thể chế về sở hữu, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau; chú ý phân định rõ quyền sở hữu đất và quyền sử dụng đất, bảo vệ quyền của người sử dụng đất;

đ) Tiếp tục đổi mới thể chế về doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh; làm rõ vị trí, vai trò quản lý Nhà nước là chủ sở hữu tài sản, vốn Nhà nước; tách chức năng sở hữu tài sản, vốn Nhà nước với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước;

e) Sửa đổi, bổ sung các quy định của tỉnh về xã hội hóa theo hướng quy định rõ phạm vi trách nhiệm của Nhà nước và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng các dịch vụ trong môi trường cạnh tranh, bình đẳng, lành mạnh;

g) Triển khai, hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; đặc biệt chú ý các quy định về cải thiện quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tất cả các khâu của quy trình quản lý;

h) Tham gia hoàn thiện thể chế về mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân; trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; có cơ chế phát huy trí tuệ của nhân dân, đội ngũ chuyên gia và người lao động trình độ cao ở tỉnh tham gia xây dựng thể chế;

i) Thể chế hành chính công khai, minh bạch hóa các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan nhà nước, bảo đảm quyền có đủ thông tin để nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động quản lý nhà nước;

k) Thể chế phân cấp phải bảo đảm nâng cao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ quan trực tiếp thực thi công vụ; có cơ chế kiểm soát, phát hiện kịp thời việc lợi dụng quyền hạn, vi phạm nguyên tắc nhà nước không phù hợp với mức độ phân cấp.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

a) Tập trung cắt giảm hợp lý và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước ở tỉnh; trong giai đoạn 2011-2015, các lĩnh vực trọng tâm cần tập trung là: đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; giáo dục; lao động; bảo hiểm; khoa học, công nghệ và một số lĩnh vực khác do Chính phủ, UBND tỉnh quyết định;

b) Người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp chịu trách nhiệm cải cách thủ tục hành chính của cơ quan mình và tham gia phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính giữa cơ quan mình với các cơ quan hành chính cùng cấp và các cấp;

c) Đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính;

d) Công khai, minh bạch thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và phù hợp để nhân dân giám sát; thực hiện thống nhất cách tính chi phí mà tổ chức, cá nhân phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục; duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

đ) Cải cách thủ tục hành chính phải gắn với hoàn thiện thể chế, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân

dân; phát huy vai trò của các tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập trong việc xây dựng thể chế về thủ tục hành chính;

e) Duy trì, thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính để hỗ trợ nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát thực hiện thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và sử dụng biên chế của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập các cấp; trên cơ sở đó điều chỉnh, tổ chức, sắp xếp lại nhằm khắc phục chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tránh lạm quyền, thiếu trách nhiệm; có sự phân công, phối hợp hợp lý.

b) Triển khai tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính tỉnh, huyện, xã theo quy định, bảo đảm phân định đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sát thực tế, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện phân cấp hợp lý giữa các cấp chính quyền, bảo đảm các điều kiện thực hiện thẩm quyền được phân cấp, tăng cường chức năng kiểm soát, kiện toàn năng lực thanh kiểm tra của chính quyền tỉnh;

c) Thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, đảm bảo một đầu mối tiếp nhận và trả kết quả theo quy định; phấn đấu sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020;

d) Thực hiện có hiệu quả và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập; chất lượng dịch vụ công từng bước được nâng cao, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế; phấn đấu sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ công về giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2020.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham gia đề xuất, góp ý việc bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và triển khai áp dụng thống nhất hệ thống chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức, kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý;

b) Xây dựng hợp lý cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị;

c) Tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm, phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường của người trúng tuyển; thực hiện chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh, thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ Giám đốc Sở và tương đương trở xuống theo quy định của trung ương;

d) Hoàn thiện quy định về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả công việc; thực hiện cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân; quy định nhiệm vụ, quyền hạn phải tương ứng với trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức công vụ;

đ) Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo các hình thức: hướng dẫn tập sự trong thời gian tập sự; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng bắt buộc kiến thức, kỹ năng tối thiểu trước khi bổ nhiệm và bồi dưỡng hàng năm;

e) Thực hiện chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công theo quy định; tham gia sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về chế độ phụ cấp ngoài lương theo ngạch, bậc, theo cấp bậc chuyên môn, nghiệp vụ và điều kiện làm việc;

g) Đổi mới quy định về khen thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

h) Bổ sung, hoàn thiện chính sách sử dụng, đãi ngộ để thu hút, giữ chân người lao động chất lượng cao phù hợp với yêu cầu công việc về công tác tại địa phương, đồng thời có chính sách khuyến khích, hỗ trợ thỏa đáng, tạo nỗ lực đi học nâng cao trình độ về phục vụ tình nhà;

i) Thường xuyên kiểm tra cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước nhằm bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ.

5. Cải cách tài chính công:

a) Động viên hợp lý, phân phối và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện cân đối ngân sách tích cực, bảo đảm tỷ lệ tích lũy hợp lý cho đầu tư phát triển, dành nguồn lực cho con người về chính sách tiền lương và an sinh xã hội;

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý; quản lý chặt chẽ việc vay và trả nợ, đảm bảo mức nợ công trong giới hạn an toàn;

c) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước, xóa bỏ chế độ cấp kinh phí theo số lượng biên chế, thay thế bằng cơ chế cấp ngân sách dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động, thực hiện kiểm soát chất lượng chi tiêu theo mục tiêu, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước;

d) Đổi mới cơ bản cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ với tiêu chí hàng đầu là đạt mục tiêu và hiệu quả ứng dụng; phát triển các doanh nghiệp, các quỹ tài chính về khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học, công nghệ;

đ) Tăng đầu tư nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa về chăm lo, phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao; đổi mới cơ chế hoạt động, nhất là cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công mà trọng tâm là các cơ sở công lập về giáo dục, đào tạo, y tế theo hướng tự chủ, công khai, minh bạch; chuẩn hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo, khám, chữa bệnh, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, có lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

6. Hiện đại hóa hành chính:

a) Hoàn thiện, đẩy mạnh hoạt động của Mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh trên Internet; các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử; cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết hoạt động trong các cơ quan; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông trong quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động dịch vụ hành chính công, dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công;

c) Công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên Mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh; xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức và cá nhân, đáp ứng yêu cầu đơn giản, cải cách thủ tục;

d) Thực hiện hiệu quả, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh;

đ) Tiếp tục triển khai Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã, phường bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

e) Xây dựng trụ sở cơ quan hành chính nhà nước tỉnh, huyện hiện đại, tập trung ở những nơi có điều kiện.

Điều 4. Các giai đoạn thực hiện Chương trình thực hiện theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP:

Chương trình của tỉnh được chia làm 02 giai đoạn là 2011-2015 và 2016-2020.

1. Giai đoạn 1 (2011-2015) gồm các mục tiêu sau đây:

a) Rà soát, đánh giá, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị để không còn sự chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan hành chính ở tỉnh, trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp hành chính được phân định hợp lý;

b) Quy trình xây dựng và ban hành thể chế tiếp tục được đổi mới cơ bản, chú trọng đánh giá tác động của thể chế ban hành nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả. Hệ thống hóa, hoàn thiện các thể chế về sở hữu, đất đai, doanh nghiệp nhà nước ngày càng phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

c) Thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân, tổ chức được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết các thủ tục hành chính; có cơ chế linh hoạt để tiếp

nhận và xử lý các phản ánh, vướng mắc của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính gây nhiều bức xúc;

d) Năm 2013, 100% các công việc thường xuyên giải quyết với cá nhân, tổ chức được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính tỉnh, huyện, xã; năm 2015, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt mức trên 60%;

đ) Đến năm 2015 sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 60%;

e) 50% các cơ quan hành chính ở tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; trên 80% công chức cấp xã ở vùng đô thị và trên 60% ở vùng miền núi, dân tộc đạt tiêu chuẩn theo chức danh;

g) Thực hiện hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng đối với các công việc thường xuyên liên quan trực tiếp tới cá nhân, tổ chức tại 100% cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên; thí điểm thực hiện hệ thống quản lý chất lượng tại một số phường ở thành phố Pleiku và các thị xã thuộc tỉnh;

h) Năm 2015, 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính tỉnh, huyện được thực hiện dưới dạng điện tử; 100% cán bộ, công chức tỉnh, huyện được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc; 100% cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và hầu hết các dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp; các cuộc họp giữa UBND tỉnh, Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được thực hiện trên môi trường mạng; có ít nhất 50% cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên có mạng nội bộ và được kết nối, truyền dẫn diện rộng, tốc độ cao, có trang bị hệ thống bảo mật, an ninh thông tin, việc quản lý văn bản và điều hành công việc nội bộ theo mô hình văn phòng điện tử; 30% cơ quan hành chính tỉnh, huyện thực hiện cơ chế một cửa hiện đại, thí điểm thực hiện cơ chế một cửa hiện đại tại một số phường;

i) Thực hiện kết nối cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh với Cổng thông tin điện tử Chính phủ;

k) Tham gia đổi mới và thực hiện chế độ tiền lương theo quy định pháp luật.

2. Giai đoạn 2 (2016-2020) gồm các mục tiêu sau đây: ✕

a) Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả;

b) Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách với trọng tâm là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

c) Thủ tục hành chính tiếp tục được cải cách gọn nhẹ, đơn giản; duy trì thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận và xử lý các phản ánh, vướng mắc của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; đến năm 2020, mức độ hài lòng của nhân dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt mức trên 80%;

d) Thực hiện tốt và không ngừng cải tiến cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; đến năm 2020, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt mức trên 80%;

đ) Đến năm 2020, sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80%;

e) Năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở tỉnh có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, tận tụy phục vụ nhân dân; 100% các cơ quan hành chính ở tỉnh có cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm;

g) Thực hiện hệ thống quản lý chất lượng tại tất cả các phường, thị trấn;

h) Năm 2020, 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính tỉnh, huyện được thực hiện dưới dạng điện tử; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết hoạt động trong các cơ quan, nhất là cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần đầu có ít nhất 50% cán bộ, công chức cấp xã được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc; thí điểm xây dựng trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại một số phường; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến trên mạng thông tin điện tử hành chính của tỉnh ở mức độ 3 và 4; có ít nhất 70% cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên có mạng nội bộ được trang bị hệ thống bảo mật, an ninh thông tin, việc quản lý văn bản và điều hành công việc nội bộ theo mô hình văn phòng điện tử; 50% cơ quan hành chính tỉnh, huyện thực hiện cơ chế một cửa hiện đại;

i) Có ít nhất 80% trụ sở cấp xã đảm bảo quy định tại Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

k) Thực hiện chế độ tiền lương theo quy định pháp luật, đảm bảo cuộc sống của cán bộ, công chức, viên chức và gia đình ở mức trung bình khá trong xã hội.

Điều 5. Giải pháp thực hiện Chương trình:

1. Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ đạo thống nhất thực hiện Chương trình; xác định nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá; phê duyệt mục tiêu, sản phẩm cải cách hành chính; đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện mục tiêu, kết quả được giao.

2. Thực hiện quản lý công tác cải cách hành chính theo kết quả đầu ra, gắn với từng mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực, bảo đảm đủ nguồn lực tài chính, con người và quyết tâm lãnh đạo trong việc thực hiện sản phẩm, mục tiêu.

3. Đánh giá kết quả, mức độ cải cách hành chính theo các chỉ số theo dõi, đánh giá. Định kỳ hàng năm tổ chức nhóm công tác liên ngành đánh giá chéo kết quả cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị. Sử dụng kết quả đánh giá cải cách hành chính làm tiêu chí bắt buộc để xét thi đua, khen thưởng hàng năm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị; xem xét, cân nhắc, đề bạt chức vụ.

4. Chú trọng bổ sung nhân lực, bồi dưỡng kỹ năng, chế độ đãi ngộ cho công chức làm công tác cải cách hành chính tại Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 6. Kinh phí thực hiện:

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động theo quy định pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai Chương trình.

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện Chương trình:

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xác định cụ thể mục tiêu, sản phẩm cải cách hành chính của ngành, địa phương và tiến độ thực hiện để đạt mục tiêu chung của tỉnh trong kế hoạch cải cách hành chính chi tiết hàng năm, đồng thời bố trí đủ nhân lực, nguồn tài chính từ kinh phí được giao hoặc phân cấp, có giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể, thường xuyên theo dõi, kịp thời chỉ đạo, lãnh đạo giải quyết các vướng mắc;

b) Căn cứ nhiệm vụ được phân công phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nội dung cải cách hành chính ở tỉnh;

c) Căn cứ kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị đã ban hành để lập dự toán ngân sách thực hiện cải cách hành chính trong năm gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét quyết định. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính cùng thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm tới Sở Tài chính;

d) Dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị theo kế hoạch 05 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu về tình hình thực hiện cải cách hành chính theo quy định của UBND tỉnh;

e) Định kỳ 03 tháng 01 lần thực hiện tự kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai cải cách hành chính so với mục tiêu, nội dung nhiệm vụ quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;

b) Chủ trì triển khai các nội dung nhiệm vụ cải cách về tổ chức bộ máy hành chính, công chức, công vụ;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính;

d) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, mục tiêu cải cách hành chính và dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Bộ Nội vụ;

đ) Thẩm định các nhiệm vụ cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện về mục tiêu, nội dung để Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị;

e) Hướng dẫn Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo cải cách hành chính hàng quý, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện Chương trình;

g) Giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc thực hiện Chương trình tại Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; kịp thời đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh, xem xét xử lý trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc mục tiêu cải cách hành chính quy định; tổng hợp báo cáo quý, 06 tháng và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

h) Triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá để ngày càng hoàn thiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo quy định;

i) Triển khai áp dụng phương pháp đo lường mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính do cơ quan nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

k) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã;

l) Giúp UBND tỉnh triển khai công tác tuyên truyền về cải cách hành chính.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thể chế ở tỉnh;

b) Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính ở tỉnh;

b) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí thực hiện thủ tục hành chính và đề án văn hóa công vụ theo quy định của Văn phòng Chính phủ;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, vận hành Mạng thông tin hành chính điện tử của UBND tỉnh trên Internet.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì triển khai nội dung đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh dựa trên kết quả và chất lượng hoạt động quản lý nhà nước;

b) Chủ trì triển khai nội dung đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công;

c) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định; chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình này;

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện Nghị quyết số 22/2008/NQ-CP ngày 23/9/2008 của Chính phủ;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp triển khai nội dung cải cách thể chế và tăng cường cơ chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô giai đoạn 2011-2020 theo quy định của trung ương;

c) Phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ kinh phí từ ngân sách cho các dự án, đề án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ trên toàn quốc;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng theo dõi, đôn đốc và tổng hợp việc thực hiện Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước theo Chương trình này;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh nhằm triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 phù hợp với Chương trình;

c) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ thực hiện nội dung tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2015 theo quy định.

8. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công theo quy định của Bộ Y tế;

b) Tham gia xây dựng, triển khai đổi mới chính sách bảo hiểm y tế theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong hoạt động y tế.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp việc thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục, đào tạo công theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

10. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; tham gia cải cách chính sách tiền lương trong các loại hình doanh nghiệp, chính sách bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công.

11. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; phối hợp với Sở Tài chính thực hiện đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn và tổng hợp tình hình triển khai nội dung áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở tỉnh.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch ở tỉnh.

13. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố, Công thông tin điện tử UBND tỉnh, các cơ quan thông tin, báo chí trung ương tại địa phương:

a) Đăng tải, phổ biến nội dung Quyết định này và có kế hoạch thông tin, tuyên truyền thường xuyên về quá trình tổ chức thực hiện Chương trình;

b) Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền Chương trình và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức về công tác cải cách hành chính của tỉnh.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở các cấp:

Tham gia tuyên truyền, vận động, giám sát quá trình thực hiện Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 9. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- BCĐ CCHC Chính phủ; (báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ; (báo cáo)
- Bộ Nội vụ; (báo cáo)
- Cơ quan TT Miền trung-Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh; TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể ở các cấp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn; (do UBND huyện, thị xã, thành phố sao gửi)
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh; (phối hợp)
- Trường Chính trị tỉnh; (phổ biến)
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh; Đài TTTH cấp huyện; (thông tin, tuyên truyền)
- Cơ quan TW tại địa phương: Công an tỉnh; Kho bạc NN tỉnh; Cục thuế tỉnh; Hải quan Gia Lai – Kon Tum; Bảo hiểm XH tỉnh; (phối hợp)
- Trung tâm tin học – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN, VX, NC, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Thế Dũng

